

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 01 - 2022

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thế Hiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Hải Bằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 07 năm 2021, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Trung T, sinh năm 1993.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã H, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1995.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn M, xã H, huyện H1, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Z Y, B, G Korea.

(Anh T, chị T1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2021 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì anh Phan Trung T yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị Thanh T1 và trình bày cụ thể như sau:

Anh T và chị T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/9/2018. Sau khi kết

hôn, ngày 29/9/2018, chị Nguyễn Thị Thanh T1 xuất cảnh đi du học tại Hàn Quốc. Đến khoảng cuối năm 2019, anh T và chị T1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng cách xa nhau, vợ chồng không có điều kiện chăm sóc, vun đắp tình cảm gia đình. Đến nay anh T xác định anh và chị T1 không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T1.

Về con chung: Anh T và chị T1 không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị T1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

***/ Tại bản tự khai, chị Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:**

Chị T1 và anh T kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H1, tỉnh Thái Bình. Đến ngày 27/9/2018, chị T1 xuất cảnh đi du học tại Hàn Quốc. Đến cuối năm 2019, do khoảng cách xa nhau, hai vợ chồng không thể chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, vun đắp tình cảm gia đình, lâu ngày phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị T1 nhất trí ly hôn anh T.

Về con chung: Chị T1 và anh T không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho anh Phan Trung T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T1; Về quan hệ con chung: không đặt ra giải quyết; Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; Về án phí: Anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án anh Phan Trung T xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T1 theo thủ tục chung, anh T, chị T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị T1.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Trung T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được xác định là hôn nhân hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn ngày 25/9/2018.

Sau khi kết hôn, anh chị chỉ có thời gian rất ngắn chung sống cùng nhau, sau đó chị T1 đi du học ở nước ngoài lâu ngày, do khoảng cách địa lý xa xôi, anh chị không có điều kiện gần gũi, chăm sóc lẫn nhau, vun đắp tình cảm gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng dần dần phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Đến nay, anh chị đều xác định không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của anh T và chị T1 đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của anh Phan Trung T, xử cho anh Phan Trung T ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T1 là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Phan Trung T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 không có con chung, không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Phan Trung T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Trung T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh T1.

[2] Về quan hệ con chung: Anh Phan Trung T và chị Nguyễn Thị Thanh T1 không có con chung.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Phan Trung T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005085 ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh T, chị T1. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Chị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình